

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Gói thầu: Mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị NHNN
Số: 01/2022/TTK/PHKQ-HONGHA-BEMB

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ công văn số 4452/NHNN-TCKT ngày 22/6/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thông báo kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-NHNN ngày 27/01/2022 của Thống đốc NHNN V/v phê duyệt dự toán mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-NHNN ngày 25/02/2022 của Thống đốc NHNN V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-PHKQ6 ngày 16/3/2022 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-PHKQ6 ngày 29/4/2022 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ V/v phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu “Mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-PHKQ6 ngày 27/5/2022 của Cục trưởng Cục PHKQ V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện thỏa thuận khung ngày 18/5/2022 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ, NHNN và Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan đến gói thầu.

Hôm nay, ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại Cục Phát hành và Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước Việt nam, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung: CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 0243 9360668

Fax: 0243 8244650

Tài khoản: 602.004.000.000.7900 tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà Nước

Đại diện: Bà Lê Văn Quỳnh

Chức vụ: Phó Cục trưởng

(Giấy ủy quyền số 288/GUQ-PHKQ1 ngày 29/12/2021 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ)



Handwritten signature and initials in blue ink.

II. Nhà thầu cung cấp tài sản: LIÊN DANH CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÂN HÀNG (Sau đây gọi là Bên B)

1. Đại diện đứng đầu Liên danh - CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ

Địa chỉ: Số 1 Bà Triệu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 2669122 Fax : 0243 – 2669123

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106864881

Mã số thuế: 0106864881

Tài khoản: 117002867029 – Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương

Đại diện là: **Bà Đỗ Quỳnh Hương**

Chức vụ: **Giám đốc**

2. Đại diện Thành viên Liên danh: CÔNG TY CP KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÂN HÀNG

Địa chỉ: Số 69C Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 0243.9425566 Fax: 0243.7957841

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106669150

Mã số thuế: 0106669150

Tài khoản số: 1241.000.6788999 - Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hoàn Kiếm

Đại diện là: **Bà Đỗ Thị Thu Nga**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung gói thầu “Mua sắm tập trung 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước” với nội dung như sau:

III. NỘI DUNG THỎA THUẬN KHUNG

Điều 1. Phạm vi cung cấp tài sản

1.1. Tên tài sản: Máy kiểm đếm, phân loại tiền mới 100%, sản xuất năm 2020 (Chi tiết hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ theo Phụ lục số 01)

1.2. Bảng kê số lượng tài sản: Bên A giao cho Bên B cung cấp hàng hóa cụ thể như sau:

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy kiểm đếm phân loại tiền Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản	Chiếc	08	1.275.000.000	10.200.000.000

Handwritten signature/initials

1.3. *Danh sách đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:* Mỗi đơn vị 01 máy kiểm đếm, phân loại tiền, cụ thể:

- Cục Phát hành và Kho quỹ - Trụ sở Ao Phèn, ngõ 321 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

- Chi Cục Phát hành và Kho quỹ, số 08 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- NHNN chi nhánh TP. Hà Nội, số 504 Xã Đàn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

- NHNN chi nhánh Tỉnh Phú Thọ, số 1478 đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Phú Thọ.

- NHNN chi nhánh TP. Đà Nẵng, số 05 đường Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- NHNN chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, số 08 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- NHNN chi nhánh Tỉnh Bình Dương, 161 đường Phú Lợi, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

- NHNN chi nhánh TP. Cần Thơ, số 02 đường Ngô Gia Tự, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Điều 2. Giá bán tài sản

Giá trị thỏa thuận khung: **10.200.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Mười tỷ hai trăm triệu đồng*)

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%, chi phí lắp đặt, hướng dẫn vận hành sử dụng tại nơi sử dụng và chi phí vận chuyển đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của bên mua.

Điều 3. Tạm ứng, thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung

3.1. Tạm ứng:

- Tạm ứng: Sau khi các hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực và Bên B cung cấp cho Bên A Bảo đảm thực hiện hợp đồng (theo Mẫu số 26 Chương VIII, E-HSMT), Bảo lãnh tiền tạm ứng (theo Mẫu số 27 Chương VIII, E-HSMT), Giấy đề nghị tạm ứng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền bằng 30% giá trị thỏa thuận khung, tương đương số tiền: 3.060.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng bằng số tiền tạm ứng.

- Thời điểm nộp bảo lãnh tiền tạm ứng: Bên B có trách nhiệm nộp Bảo lãnh tạm ứng cho Bên A sau khi các hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực.

3.2. Thanh toán:

a. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

b. Đồng tiền thanh toán: VND

c. Tài khoản giao dịch nhận tiền thanh toán hợp đồng:

- Đơn vị thụ hưởng: **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ**

- Địa chỉ: Số 1 Bà Triệu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

- Số tài khoản: 117002867029

- Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương

d. Điều kiện và thời hạn thanh toán:

Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B làm 03 đợt:

+ Đợt 1: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 70% giá trị thỏa thuận khung (số tiền thanh toán sẽ khấu trừ số tiền đã tạm ứng bằng 30% giá trị thỏa thuận khung), tương đương với số tiền là 4.080.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*) trong vòng 10 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra, thử nghiệm 08 máy tại trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ, ngõ 321 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội và Bên A nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- Một (01) bản gốc và ba (03) bản sao Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp.

- Bốn (04) bản sao chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) và bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist)

- Bốn (04) bản sao chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ).

- Biên bản kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa;

- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B

+ Đợt 2: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 85% giá trị thỏa thuận khung (đã khấu trừ toàn bộ 70% giá trị thỏa thuận khung thanh toán đợt 1), tương đương với số tiền là 1.530.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) sau khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng cho các đơn vị NHNN (Cục Phát hành và Kho quỹ; Chi Cục Phát hành và Kho quỹ; Ngân hàng Nhà nước các Chi nhánh: TP Hà Nội, Phú Thọ, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cần Thơ) và Bên A nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản tại các đơn vị Ngân hàng Nhà nước (Cục Phát hành và Kho quỹ; Chi Cục Phát hành và Kho quỹ; Ngân hàng Nhà nước các Chi nhánh: TP Hà Nội, Phú Thọ, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cần Thơ)

- Hóa đơn giá trị gia tăng;

- Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất hoặc Giấy chứng nhận của đại lý phân phối chính thức của hãng tại Việt Nam được hãng ủy quyền bảo hành phần công việc của mình;

- Biên bản nghiệm thu tổng thể giữa Bên A và Bên B;
- Bảo lãnh bảo hành;
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B
- Sách hướng dẫn sử dụng và Cataloge (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch);

+ Đợt 3: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 15% giá trị còn lại thỏa thuận khung, tương đương với số tiền 1.530.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) trong vòng 15 ngày làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán gói thầu.

3.3. Thanh lý thỏa thuận khung:

Thỏa thuận khung được thanh lý sau khi các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B ký biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản và Bên A hoàn thành thanh toán đợt 2 cho Bên B.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi thỏa thuận khung có hiệu lực, Bên B cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành cho Bên A. Thư bảo lãnh là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu số 26, Chương VIII, E-HSMT – Biểu mẫu hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% tổng giá trị thỏa thuận khung, tương đương số tiền: 306.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm linh sáu triệu đồng*).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng tại các đơn vị Ngân hàng Nhà nước (Cục Phát hành và Kho quỹ; Chi Cục Phát hành và Kho quỹ; Ngân hàng Nhà nước các Chi nhánh: TP Hà Nội, Phú Thọ, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cần Thơ) và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B không chậm hơn 20 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Điều 5. Thời gian, địa điểm bàn giao tài sản

5.1. Thời gian giao tài sản:

- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung là 60 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Bên B có văn bản thông báo về thời gian thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa cho Bên A tối thiểu 07 ngày trước ngày kiểm tra, thử nghiệm và kèm theo một bộ bản sao các chứng từ sau:

+ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ), bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);

+ Cataloge và tài liệu kỹ thuật (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch).

- Bên B gửi kế hoạch bàn giao hàng hóa cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước tối thiểu 07 ngày trước ngày bàn giao hàng hóa.

- Bên A và các đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.

5.2. Địa điểm giao tài sản:

- Cục Phát hành và Kho quỹ - Trụ sở Ao phèn, ngõ 321 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

- Chi Cục Phát hành và Kho quỹ, số 08 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- NHNN chi nhánh TP. Hà Nội, số 504 Xã Đàn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

- NHNN chi nhánh Tỉnh Phú Thọ, số 1478 đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Phú Thọ.

- NHNN chi nhánh TP. Đà Nẵng, số 05 đường Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- NHNN chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, số 08 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- NHNN chi nhánh Tỉnh Bình Dương, 161 đường Phú Lợi, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

- NHNN chi nhánh TP. Cần Thơ, số 02 đường Ngô Gia Tự, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Điều 6. Bảo hành, hướng dẫn sử dụng tài sản

6.1. Điều kiện bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: Bảo hành 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng. Hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố trực tiếp tại đơn vị sử dụng hoặc hỗ trợ từ xa. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hoặc thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Bên A chấp nhận thiết bị sửa chữa hoặc thay thế đó.

- Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm bàn giao, nghiệm thu hàng hóa theo quy định tại Điều 5 Thỏa thuận khung.

Handwritten signature/initials

- Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho từng đơn vị NHNN, Bên B phải nộp tiền bảo hành hoặc cung cấp Bảo lãnh bảo hành của ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng ký kết với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Bên được bảo hành sẽ giải chấp bảo lãnh bảo hành cho Bên B theo thời hạn bảo hành quy định.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành:

+ Bên B chỉ bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

+ Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;

+ Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

6.2. Hướng dẫn sử dụng tài sản: Bên B hướng dẫn sử dụng tài sản tại địa điểm cung cấp tài sản cho các đơn vị trực tiếp sử dụng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Ký kết thỏa thuận khung và Biên bản thanh lý thỏa thuận khung với Bên B;

- Thông báo đến các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản về ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản kèm theo Thỏa thuận khung. Trên cơ sở thông báo bằng văn bản của Bên A, các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B.

- Đăng tải công khai kết quả theo quy định trên trang thông tin điện tử tổng hợp về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư và Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà Nước.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện: mặt bằng, nhân sự, các loại tiền kiểm đếm, phân loại... để thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa theo quy định tại Điều 16 Thỏa thuận khung.

- Giám sát quá trình thực hiện thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho Bên B và tập hợp hồ sơ quyết toán kinh phí mua sắm tài sản trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện hợp

đồng mua sắm tài sản.

7.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ số lượng máy kiểm đếm, phân loại tiền đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, xuất xứ theo đúng quy định tại Thỏa thuận khung.

- Thực hiện ký kết Thỏa thuận khung mua sắm tập trung với Bên A; Ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Ký Biên bản kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với bên A và Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản với đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản. Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ phục vụ thanh quyết toán theo quy định Thỏa thuận khung.

- Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm tra, thử nghiệm tại Cục PHKQ và lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn vận hành cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Trước khi cung cấp hàng hóa, Bên B phải cung cấp danh sách cán bộ tham gia thực hiện gói thầu và có văn bản cam kết lý lịch trích ngang của cán bộ thực hiện lắp đặt, hướng dẫn sử dụng cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Bên B phải cung cấp quy trình, nội dung bảo trì, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho các đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản.

- Chấp hành nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo hướng dẫn của cơ quan chức năng trong suốt quá trình thực hiện thỏa thuận khung.

- Bên B phải có trách nhiệm đảm bảo nguồn vốn trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại Thỏa thuận khung.

7.3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B. Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện nội dung công việc theo quy định Thỏa thuận khung. Phối hợp Bên B nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện: mặt bằng, nhân sự, các loại tiền kiểm đếm, phân loại... để Bên B thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng.

- Lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (Theo Mẫu tại Phụ lục số 02 đính kèm)

- Hạch toán, theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý và sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà Nước.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B (Theo Mẫu tại Phụ lục số 02 đính kèm). Việc thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.

- Thông báo, phối hợp với Cục PHKQ trong việc giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm, bảo hành, bảo trì.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm gửi 02 (hai) bản chính các văn bản: Hợp đồng mua sắm tài sản; Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Biên bản thanh lý hợp đồng về Bên A (Cục Phát hành và Kho quỹ) để theo dõi và tập hợp hồ sơ quyết toán.

Điều 8. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung có hiệu lực sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 9. Thông báo

9.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến thỏa thuận khung phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ:

Cục Phát hành và Kho quỹ, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số điện thoại: 0243.9360668; Fax: 0243.8244650

Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà, Số 1 Bà Triệu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Số điện thoại: 0243.9425566 Fax: 0243.7957841.

9.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

10.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Thời gian để tiến hành hòa giải tối đa là 10 ngày làm việc kể từ khi phát sinh tranh chấp.

10.2. Giải quyết tranh chấp: Các tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án kinh tế Hà Nội theo luật pháp Việt Nam và những điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Quyết định của Tòa án kinh tế sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc hai bên. Tất cả mọi chi phí cho việc xử kiện sẽ do bên thua chịu.

Điều 11. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà nhà thầu đã cung cấp cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 12. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

12.1. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Bên A đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

12.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 12.1 vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.

Điều 13. Đóng gói hàng hóa

Bên B sẽ phải đóng gói hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

Điều 14. Bảo hiểm

Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng. Bên B tự chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bảo đảm hàng hóa được giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng.

Điều 15. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh

- Bên B phải vận chuyển hàng hóa đến các địa điểm giao hàng theo quy định tại Điều 5 Thỏa thuận khung.

- Dịch vụ yêu cầu khác:

+ Vật tư, phụ tùng thay thế: Bên B có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A đặt hàng.

+ Dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành: Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành nếu được yêu cầu (chi phí do bên A chịu).

Khi thực hiện các nội dung nêu trên, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo quy định tại thỏa thuận khung.

Điều 16. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

16.1. Trước khi thực hiện bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại các đơn vị Ngân hàng Nhà nước, Hàng hóa sẽ được kiểm tra, thử nghiệm tại trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội hoặc Ngõ 321 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội.

** Các nội dung kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa:*

- Kiểm tra tổng quát: Kiểm tra nhãn hiệu, model, chủng loại, năm sản xuất, nước sản xuất, các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan... với các tài liệu, hồ sơ Nhà thầu cung cấp (CO, CQ, chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan chức năng) đảm bảo hàng hóa đúng tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật quy định trong thỏa thuận khung giữa hai bên.

- Kiểm tra các chức năng, tình trạng vận hành của máy: Kiểm tra các chức năng của máy, máy được cài đặt thông số đáp ứng việc kiểm đếm, phân loại tiền đủ/không đủ tiêu chuẩn lưu thông của NHNN.

- Kiểm tra, thử nghiệm chức năng kiểm đếm, phân loại tiền

+ Thử nghiệm chức năng kiểm đếm, phân loại tiền đủ/không đủ tiêu chuẩn lưu thông đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, đặc điểm đồng tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của NHNN và yêu cầu của NHNN trong kiểm đếm, phân loại tiền ứng dụng trên máy.

+ Kiểm tra tính ổn định giữa các lần chạy của máy: Tiến hành chạy máy trên các bó tiền 06 loại mệnh giá polymer, mỗi bó tiền chạy tối thiểu 03 lần.

+ Kiểm tra mức độ đáp ứng yêu cầu tuyển chọn, phân loại tiền so với phân loại thủ công.

** Đánh giá, ghi nhận kết quả*

Bên A và Bên B ký Biên bản kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa khi hàng hóa đáp ứng yêu cầu của Bên A, cụ thể:

- Máy có khả năng kiểm đếm, phân loại tiền theo bộ tiêu chuẩn tiền đủ/không đủ tiêu chuẩn lưu thông ứng dụng trên máy: Máy đáp ứng tất cả các tiêu chí theo yêu cầu.

- Máy chạy ổn định: Sai số giữa các lần chạy của máy trên cùng một bó tiền bình quân nhỏ hơn tỷ lệ do Bên A quy định.

- Máy có khả năng kiểm đếm, phân loại tiền so với kiểm đếm, phân loại thủ công với khác biệt nhỏ hơn tỷ lệ do Bên A quy định.

16.2. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật như trong yêu cầu tại Phụ lục số 01. Sau kiểm tra, thử nghiệm: Bên A sẽ loại bỏ tất cả hàng hóa không đạt yêu cầu.

16.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 nêu trên, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản.

Điều 17. Bồi thường thiệt hại

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 thỏa thuận khung này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo thỏa thuận khung trong thời hạn đã nêu trong thỏa thuận khung thì Bên A có thể khấu trừ vào giá thỏa thuận khung một khoản tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % giá trị công việc chậm thực hiện tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Cụ thể:

Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8% giá trị nội dung công việc không thực hiện theo thỏa thuận khung.

Mức khấu trừ: 0,5%/tuần đối với giá trị nội dung công việc chậm thực hiện.

Mức khấu trừ tối đa: 5% đối với giá trị nội dung công việc chậm thực hiện. Khi mức khấu trừ đạt mức tối đa, Bên A sẽ xem xét chấm dứt thỏa thuận khung như quy định tại Điều 20 thỏa thuận khung này.

Điều 18. Bất khả kháng

18.1. Trong thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

18.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà Bên B phải gánh chịu.

18.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt thỏa thuận khung.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 10 thỏa thuận khung.

Điều 19. Hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung

19.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong thỏa thuận khung;
- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi thời gian thực hiện thỏa thuận khung:

Việc thay đổi thời gian thực hiện thỏa thuận khung chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia thỏa thuận khung;
- Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thỏa thuận khung;
- Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện thỏa thuận khung mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia thỏa thuận khung thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện thỏa thuận khung làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các trường hợp khác: Các trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

19.2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung thỏa thuận khung trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung.

Điều 20. Chấm dứt thỏa thuận khung

20.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt thỏa thuận khung nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về thỏa thuận khung như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo thỏa thuận khung trong thời hạn đã nêu trong thỏa thuận khung hoặc trong khoảng thời gian đã được gia hạn;
- b) Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;
- c) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung;
- d) Các hành vi khác: Các hành vi dẫn đến sự không đáp ứng về nghĩa vụ, trách nhiệm của hai bên theo quy định tại thỏa thuận khung đã ký.

20.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a Khoản 20.1 nêu trên thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần thỏa thuận khung bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần công việc

Handwritten signature and initials

PHỤ LỤC SỐ 01 – BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT

(Đính kèm theo Thỏa thuận khung số 01/2022/TTK/PHKQ-HONGHA-BEMB ngày 06/6/2022)

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
	MÁY KIỂM ĐÉM, PHÂN LOẠI TIỀN		Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2020
A	PHẦN THIẾT BỊ		
Mục 1	Thông số kỹ thuật cơ bản		
1	Tốc độ đếm tối thiểu	1.000 tờ/phút	
2	Sức chứa khay nạp tiền phân loại (khay đặt tiền)	2.000 tờ	
3	Số cửa phân loại	4 + 1 (4 khay phân loại tiền + 1 khay tiền loại)	
4	Số khay phân loại tiền	04 khay	
5	Sức chứa khay phân loại tiền tối đa	500 tờ	
6	Số khay tiền loại	01 khay	
7	Sức chứa mỗi khay tiền loại	300 tờ	
8	Số lượng tiền tệ có thể vận hành	32 loại tiền tệ và 256 mệnh giá.	
9	Màn hình hiển thị	Màn hình cảm ứng màu LCD 10 inch	
10	Kích thước máy	Rộng 600mm x Sâu 455mm x Cao 620mm	
11	Trọng lượng máy	65kg	
12	Nguồn điện	100 - 240V ± 10%, 50/60Hz	
13	Cổng kết nối	LAN, RS-232C, USB	
14	Ngôn ngữ sử dụng máy	Tiếng Anh – Tiếng Việt	
15	Công nghệ quét	Quét cả hai mặt của tờ tiền, đưa ra 6 hình ảnh khác nhau.	
16	Công nghệ phát hiện tiền giả	- Phát hiện các tính năng bảo mật của tiền giấy để phân biệt giữa tiền thật hay tiền giả. - Công nghệ nhận dạng hình ảnh riêng biệt của Hãng sản xuất có thể phát hiện các tờ tiền giả với các tính năng	

th k
m v

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
		bảo mật, sử dụng dữ liệu ghi chú giả. - So sánh số sê-ri trên tờ tiền để phát hiện tờ tiền tổng hợp là tùy chọn.	
17	Công nghệ cảm biến	Cảm biến từ, UV và cảm biến độ dày CIS, IR/UV, MG	
18	Xử lý tiền giấy (tiền ngoại tệ) và tiền Polymer	Lượng tiền bị từ chối thấp, với tờ tiền giấy nhỏ vẫn có thể xử lý với ít nhất hai bánh lăn.	
19	Chỉ số báo đầy ngăn	Có	
20	Truyền kết quả đếm, phân loại	Qua cổng USB, LAN, SD card, RS232C	
21	Kết nối với máy in và USB để xuất kết quả kiểm đếm	- Kết nối với máy in qua RS232C - USB để xuất kết quả kiểm đếm: qua LAN	
	Thông số kỹ thuật mở rộng (Option nâng cấp)		
22	Nâng cấp số khay phân loại tiền	Có Option nâng cấp số khay phân loại tiền lên tới 16 khay.	
23	Kích thước và trọng lượng của khay phân loại tiền nâng cấp (Module nâng cấp)	Kích thước (mm): 1470 (rộng) x 455 (sâu) x 620 (cao). Trọng lượng: 149 kg	
24	Sức chứa khay phân loại tiền nâng cấp	200 tờ	
25	Kiểm tra tình trạng máy từ xa và khả năng nâng cấp	Có	
26	Thẻ tiêu đề	Có	
	Chức năng máy		
27	Chức năng	1.1. Kiểm đếm và phân loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
28		1.2. Kiểm đếm và phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
29		1.3. Kiểm đếm, phân loại và phát hiện tiền giả, nghi giả	
30		1.4. Đọc, nhận diện và ghi số seri	
31		1.5. Kiểm đếm, phân loại và sắp xếp theo chiều hướng và mặt của tờ tiền.	
32		1.6. Kiểm đếm và phân loại tiền theo từng loại mệnh giá	
33		1.7. Kiểm đếm và phân loại tiền theo	

Handwritten signature/initials

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
		nhiều mệnh giá kể cả khi bị trộn lẫn.	
34		1.8. Kiểm đếm và phân chia tiền phân loại (tiền đạt) theo số lượng cài đặt (đối với tiền VNĐ quy định là 01 thếp gồm 100 tờ, do vậy cài đặt cho mỗi khay tiền phân loại (tiền đạt) đầy ngăn là 100 tờ)	
35		1.9. Kiểm đếm và phân loại theo chất lượng: ATM/FIT/UNFIT.	
36		1.10. Báo cáo các lý do tờ tiền bị loại.	
37	Các chức năng khác	Phát hiện OVI đối với USD, quản lý số sê-ri được kết nối với giải pháp dựa trên đám mây.	
	PHẦN MỀM VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH		
38	Phần mềm chức năng cơ bản của máy	<p>Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất đã được tích hợp đầy đủ đảm bảo vận hành các chức năng của Máy như:</p> <p>1.1. Kiểm đếm và phân loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.</p> <p>1.2. Kiểm đếm và phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.</p> <p>1.3. Kiểm đếm, phân loại và phát hiện tiền giả, nghi giả</p> <p>1.4. Đọc, nhận diện và ghi số seri.</p> <p>1.5. Kiểm đếm, phân loại và sắp xếp theo chiều hướng và mặt của tờ tiền.</p> <p>1.6. Kiểm đếm và phân loại tiền theo từng loại mệnh giá.</p> <p>1.7. Kiểm đếm và phân loại tiền theo nhiều mệnh giá kể cả khi bị trộn lẫn.</p> <p>1.8. Kiểm đếm và phân chia tiền phân loại (tiền đạt) theo số lượng cài đặt (đối với tiền VNĐ quy định là 01 thếp gồm 100 tờ, do vậy cài đặt cho mỗi khay tiền phân loại (tiền đạt) đầy ngăn là 100 tờ)</p> <p>1.9. Kiểm đếm và phân loại theo chất lượng: ATM/FIT/UNFIT.</p> <p>1.10. Báo cáo các lý do tờ tiền bị loại.</p> <p>1.11. Phát hiện OVI đối với USD, quản lý số sê-ri được kết nối với giải pháp dựa trên đám mây.</p>	

Handwritten signature and initials

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
39	Phần mềm hỗ trợ vận hành của máy	2.1. Phát hiện sớm khi Máy cần hỗ trợ.	
40		2.2. Tiềm năng khôi phục từ xa cho các lỗi để tăng khả năng vận hành máy.	
41		2.3. Nhanh chóng phát triển các nâng cấp để giảm tình trạng tắc nghẽn của khách hàng.	
42		2.4. Truyền mẫu tiền giấy từ xa và cập nhật cấu hình.	
43		2.5. Theo dõi bất cứ tờ tiền nào thông qua quét hình ảnh – toàn bộ hay 1 phần.	
44		2.6. Từ chối tờ tiền có số Seri nằm trong danh sách đen cần kiểm tra.	
45		2.7. Từ chối tờ tiền bằng cách kiểm tra số seri kép.	
46		2.8. Ghi nhớ số Seri và dữ liệu tới bộ xử lý trung tâm/ Máy chủ cục bộ/ đám mây trong thời gian thực.	
47		2.9. Chức năng truy xuất cơ sở dữ liệu linh hoạt	
48		2.10. Báo cáo thông tin liên quan về trường hợp bị nghi ngờ cho Ngân hàng Trung Ương.	
49	Phần mềm quản lý của máy	3.1 Hỗ trợ giám sát tình trạng hoạt động của thiết bị thời gian thực và lịch sử hoạt động của thiết bị.	
50		3.2. Thống kê và báo cáo dữ liệu theo ngày/tháng/năm hoặc chọn khoảng thời gian báo cáo. Mẫu báo cáo có thể thay đổi theo yêu cầu của người sử dụng.	
51		3.3. Cảnh báo đến người dùng khi có các bất thường xảy ra: Người sử dụng có thể cấu hình loại cảnh báo và độ ưu tiên cảnh báo.	
52	Hệ điều hành	Windows OS	
	CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG		

(Handwritten signature and date)
 2/3

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
53	Các chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng	CE, RoHS, CISPR32, 24, IEC62368.	

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
LIÊN DANH CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÂN HÀNG
ĐẠI DIỆN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ
HỒNG HÀ



GIÁM ĐỐC
Đỗ Quỳnh Hương

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Quỳnh

THÀNH VIÊN LIÊN DANH
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ
NGÂN HÀNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Thu Nga

PHỤ LỤC SỐ 02: CÁC MẪU BIỂU

(Đính kèm Thỏa thuận khung số 01/2022/TTK/PHKQ-HONGHA-BEMB ngày 06/6/2022)

I: MẪU HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN
Số:

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số 01/2022/TTK/PHKQ-HONGHA-BEMB ngày 06/6/2022 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:

(Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

Đại diện là Ông/Bà:Chức vụ:.....

II. Nhà thầu cung cấp tài sản: LIÊN DANH CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÂN HÀNG (Sau đây gọi là Bên B)

1. Đại diện đứng đầu Liên danh - CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ

Địa chỉ: Số 1 Bà Triệu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 2669122 Fax : 0243 – 2669123

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106864881

Mã số thuế: 0106864881

Tài khoản: 117002867029 – Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

– Chi nhánh Chương Dương

Đại diện là: **Bà Đỗ Quỳnh Hương**

Chức vụ: **Giám đốc**

Handwritten signature/initials in blue ink.

2. Đại diện Thành viên Liên danh: CÔNG TY CP KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÂN HÀNG

Địa chỉ: Số 69C Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 0243.9425566 Fax: 0243.7957841

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106669150

Mã số thuế: 0106669150

Tài khoản số: 1241.000.6788999 - Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hoàn Kiếm

Đại diện là: **Bà Đỗ Thị Thu Nga**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Chủng loại, số lượng, giá bán tài sản:

1.1. Chủng loại tài sản mua sắm: Máy kiểm đếm, phân loại tiền mới 100%, sản xuất năm 2020. Chi tiết hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ theo Phụ lục Hợp đồng.

1.2. Số lượng, giá bán tài sản mua sắm:

STT	Tên hàng hóa	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy kiểm đếm, phân loại tiền	Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2020	01 Chiếc	1.275.000.000	1.275.000.000
Tổng cộng			01 chiếc	1.275.000.000	1.275.000.000

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng./.

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%, chi phí lắp đặt, hướng dẫn vận hành sử dụng tại nơi sử dụng và chi phí vận chuyển đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của bên mua.

Điều 2. Thời gian, địa điểm và tài liệu bàn giao

2.1. Thời gian giao, nhận tài sản:

2.2. Địa điểm giao, nhận tài sản:

2.3. Tài liệu bàn giao:

Bên B có văn bản thông báo cho Bên A về thời gian, kế hoạch cụ thể cung cấp hàng hóa tối thiểu 07 ngày trước ngày bàn giao hàng hóa và bàn giao cho Bên A chứng từ liên quan đến tài sản trang bị như sau:

- 01 bản sao chứng thực Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp;
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) và bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);
- 01 bản sao Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất hoặc Giấy chứng nhận của đại lý phân phối chính thức của hãng tại Việt Nam được hãng ủy quyền bảo hành phần công việc của mình;
- 01 bản sao y Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Sách hướng dẫn sử dụng và Cataloge (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch);

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ số lượng máy kiểm đếm, phân loại tiền đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, xuất xứ theo đúng quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
- Thực hiện ký kết: Hợp đồng mua sắm tài sản, Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng và Biên bản thanh lý hợp đồng với Bên B.
- Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.
- Lập Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (theo mẫu Phụ lục đính kèm Thỏa thuận khung).
- Cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn vận hành cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Trước khi cung cấp hàng hóa, Bên B phải cung cấp danh sách cán bộ tham gia thực hiện gói thầu và có văn bản cam kết lý lịch trích ngang của cán bộ thực hiện lắp đặt, hướng dẫn sử dụng cho Bên A.
- Bên B phải cung cấp quy trình, nội dung bảo trì, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho Bên A.
- Chấp hành nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo hướng dẫn của cơ quan chức năng trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại hợp đồng.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B. Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.
- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc theo đúng tiến độ quy định. Phối hợp Bên B nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện: mặt bằng, nhân sự, các loại tiền kiểm đếm, phân loại... để Bên B thực hiện đào tạo, hướng dẫn sử dụng.

Handwritten signature/initials in the bottom right corner.

- Lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (Theo Mẫu tại Phụ lục đính kèm Thỏa thuận khung mua sắm tập trung).

- Hạch toán, theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý và sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà Nước.

- Bên A có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B (Theo Mẫu tại Phụ lục đính kèm Thỏa thuận khung mua sắm tập trung). Việc thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.

- Bên A có trách nhiệm gửi 02 (hai) bản chính các văn bản: Hợp đồng mua sắm tài sản; Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Biên bản thanh lý hợp đồng về đơn vị mua sắm tập trung (Cục PHKQ) để theo dõi và tập hợp hồ sơ quyết toán.

- Thông báo, phối hợp với Cục PHKQ trong việc giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm, bảo hành, bảo trì.

Điều 4: Bảo hành, bảo trì tài sản

- Thời hạn bảo hành: Bảo hành 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng. Hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố trực tiếp tại đơn vị sử dụng hoặc hỗ trợ từ xa. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Bên A chấp nhận thiết bị sửa chữa hoặc thay thế đó.

- Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Bên A, Bên B phải nộp tiền bảo hành hoặc cung cấp Bảo lãnh bảo hành của ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng cho Bên A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Bên A sẽ giải chấp bảo lãnh bảo hành cho Bên B theo thời hạn bảo hành quy định.

- Địa điểm bảo hành: Tại Điện thoại.....

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành:

+ Bên B chỉ bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

+ Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;

+ Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của máy kiểm đếm, phân loại tiền cho Bên A trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, Bên A sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, Bên A sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

- Số điện thoại liên hệ bảo hành: hoặc hotline

th
ph

+ Vật tư, phụ tùng thay thế: Bên B có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A đặt hàng.

+ Dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành: Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành nếu được yêu cầu (chi phí do bên A chịu).

Khi thực hiện cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A và Bên B mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 01 – BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT
(Đính kèm Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm 2022)

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
	MÁY KIỂM ĐÉM, PHÂN LOẠI TIỀN		Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2020
A	PHẦN THIẾT BỊ		
Mục 1	Thông số kỹ thuật cơ bản		
1	Tốc độ đếm tối thiểu	1.000 tờ/phút	
2	Sức chứa khay nạp tiền phân loại (khay đặt tiền)	2.000 tờ	
3	Số cửa phân loại	4 + 1 (4 khay phân loại tiền + 1 khay tiền loại)	
4	Số khay phân loại tiền	04 khay	
5	Sức chứa khay phân loại tiền tối đa	500 tờ	
6	Số khay tiền loại	01 khay	
7	Sức chứa mỗi khay tiền loại	300 tờ	
8	Số lượng tiền tệ có thể vận hành	32 loại tiền tệ và 256 mệnh giá.	
9	Màn hình hiển thị	Màn hình cảm ứng màu LCD 10 inch	
10	Kích thước máy	Rộng 600mm x Sâu 455mm x Cao 620mm	
11	Trọng lượng máy	65kg	
12	Nguồn điện	100 - 240V ± 10%, 50/60Hz	
13	Cổng kết nối	LAN, RS-232C, USB	
14	Ngôn ngữ sử dụng máy	Tiếng Anh – Tiếng Việt	
15	Công nghệ quét	Quét cả hai mặt của tờ tiền, đưa ra 6 hình ảnh khác nhau.	
16	Công nghệ phát hiện tiền giả	- Phát hiện các tính năng bảo mật của tiền giấy để phân biệt giữa tiền thật hay tiền giả. - Công nghệ nhận dạng hình ảnh riêng biệt của Hãng sản xuất có thể phát hiện các tờ tiền giả với các tính năng	

Handwritten signature/initials

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
		bảo mật, sử dụng dữ liệu ghi chú giả. - So sánh số sê-ri trên tờ tiền để phát hiện tờ tiền tổng hợp là tùy chọn.	
17	Công nghệ cảm biến	Cảm biến từ, UV và cảm biến độ dày CIS, IR/UV, MG	
18	Xử lý tiền giấy (tiền ngoại tệ) và tiền Polymer	Lượng tiền bị từ chối thấp, với tờ tiền giấy nhỏ vẫn có thể xử lý với ít nhất hai bánh lăn.	
19	Chỉ số báo đầy ngăn	Có	
20	Truyền kết quả đếm, phân loại	Qua cổng USB, LAN, SD card, RS232C	
21	Kết nối với máy in và USB để xuất kết quả kiểm đếm	- Kết nối với máy in qua RS232C - USB để xuất kết quả kiểm đếm: qua LAN	
	Thông số kỹ thuật mở rộng (Option nâng cấp)		
22	Nâng cấp số khay phân loại tiền	Có Option nâng cấp số khay phân loại tiền lên tới 16 khay.	
23	Kích thước và trọng lượng của khay phân loại tiền nâng cấp (Module nâng cấp)	Kích thước (mm): 1470 (rộng) x 455 (sâu) x 620 (cao). Trọng lượng: 149 kg	
24	Sức chứa khay phân loại tiền nâng cấp	200 tờ	
25	Kiểm tra tình trạng máy từ xa và khả năng nâng cấp	Có	
26	Thẻ tiêu đề	Có	
	Chức năng máy		
27	Chức năng	1.1. Kiểm đếm và phân loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
28		1.2. Kiểm đếm và phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
29		1.3. Kiểm đếm, phân loại và phát hiện tiền giả, nghi giả	
30		1.4. Đọc, nhận diện và ghi số seri	
31		1.5. Kiểm đếm, phân loại và sắp xếp theo chiều hướng và mặt của tờ tiền.	
32		1.6. Kiểm đếm và phân loại tiền theo từng loại mệnh giá	
33		1.7. Kiểm đếm và phân loại tiền theo	

Handwritten signature and initials

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
		nhiều mệnh giá kể cả khi bị trộn lẫn.	
34		1.8. Kiểm đếm và phân chia tiền phân loại (tiền đạt) theo số lượng cài đặt (đối với tiền VNĐ quy định là 01 thếp gồm 100 tờ, do vậy cài đặt cho mỗi khay tiền phân loại (tiền đạt) đầy ngăn là 100 tờ)	
35		1.9. Kiểm đếm và phân loại theo chất lượng: ATM/FIT/UNFIT.	
36		1.10. Báo cáo các lý do tờ tiền bị loại.	
37	Các chức năng khác	Phát hiện OVI đối với USD, quản lý số sê-ri được kết nối với giải pháp dựa trên đám mây.	
	PHẦN MỀM VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH		
38	Phần mềm chức năng cơ bản của máy	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất đã được tích hợp đầy đủ đảm bảo vận hành các chức năng của Máy như: 1.1. Kiểm đếm và phân loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông. 1.2. Kiểm đếm và phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông. 1.3. Kiểm đếm, phân loại và phát hiện tiền giả, nghi giả 1.4. Đọc, nhận diện và ghi số seri. 1.5. Kiểm đếm, phân loại và sắp xếp theo chiều hướng và mặt của tờ tiền. 1.6. Kiểm đếm và phân loại tiền theo từng loại mệnh giá. 1.7. Kiểm đếm và phân loại tiền theo nhiều mệnh giá kể cả khi bị trộn lẫn. 1.8. Kiểm đếm và phân chia tiền phân loại (tiền đạt) theo số lượng cài đặt (đối với tiền VNĐ quy định là 01 thếp gồm 100 tờ, do vậy cài đặt cho mỗi khay tiền phân loại (tiền đạt) đầy ngăn là 100 tờ) 1.9. Kiểm đếm và phân loại theo chất lượng: ATM/FIT/UNFIT. 1.10. Báo cáo các lý do tờ tiền bị loại. 1.11. Phát hiện OVI đối với USD, quản lý số sê-ri được kết nối với giải pháp dựa trên đám mây.	
39	Phần mềm hỗ trợ vận hành của máy	2.1. Phát hiện sớm khi Máy cần hỗ trợ.	

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất
40		2.2. Tiềm năng khôi phục từ xa cho các lỗi để tăng khả năng vận hành máy.	
41		2.3. Nhanh chóng phát triển các nâng cấp để giảm tình trạng tắc nghẽn của khách hàng.	
42		2.4. Truyền mẫu tiền giấy từ xa và cập nhật cấu hình.	
43		2.5. Theo dõi bất cứ tờ tiền nào thông qua quét hình ảnh – toàn bộ hay 1 phần.	
44		2.6. Từ chối tờ tiền có số Seri nằm trong danh sách đen cần kiểm tra.	
45		2.7. Từ chối tờ tiền bằng cách kiểm tra số seri kép.	
46		2.8. Ghi nhớ số Seri và dữ liệu tới bộ xử lý trung tâm/ Máy chủ cục bộ/ đám mây trong thời gian thực.	
47		2.9. Chức năng truy xuất cơ sở dữ liệu linh hoạt	
48		2.10. Báo cáo thông tin liên quan về trường hợp bị nghi ngờ cho Ngân hàng Trung Ương.	
49		Phần mềm quản lý của máy	3.1 Hỗ trợ giám sát tình trạng hoạt động của thiết bị thời gian thực và lịch sử hoạt động của thiết bị.
50	3.2. Thống kê và báo cáo dữ liệu theo ngày/tháng/năm hoặc chọn khoảng thời gian báo cáo. Mẫu báo cáo có thể thay đổi theo yêu cầu của người sử dụng.		
51	3.3. Cảnh báo đến người dùng khi có các bất thường xảy ra: Người sử dụng có thể cấu hình loại cảnh báo và độ ưu tiên cảnh báo.		
52	Hệ điều hành	Windows OS	
	CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG		
53	Các chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng	CE, RoHS, CISPR32, 24, IEC62368.	

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

II- MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số/2022/TTK/PHKQ-..... ngày .../.../2022 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày tháng ... năm ... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022, tại (tên và địa chỉ Chi nhánh NHNN được trang bị tài sản), chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (Bên giao): Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng.

1. Đại diện hợp pháp của thành viên đứng đầu liên danh: Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà.

- Ông Chức vụ:

2. Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng

- Ông Chức vụ:

II. Đại diện đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên nhận):

1. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

2. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

3. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

Hai bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận tài sản như sau:

1. Tài sản thực hiện bàn giao, tiếp nhận:

- Máy kiểm đếm, phân loại tiền mới 100%, sản xuất năm 2020.

STT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng tài sản bàn giao
1	Máy kiểm đếm, phân loại tiền Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2020	Chiếc	01	1.275.000.000	1.275.000.000
	Tổng cộng		01	1.275.000.000	1.275.000.000

Nhà thầu cung cấp tài sản thực hiện đào tạo và hướng dẫn vận hành cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận:

Bên giao có trách nhiệm bàn giao cho Bên nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến tài sản như sau:

- 01 bản sao chứng thực Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp;
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) và bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);
- 01 bản sao Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất hoặc Giấy chứng nhận của đại lý phân phối chính thức của hãng tại Việt Nam được hãng ủy quyền bảo hành phần công việc của mình;
- 01 bản sao y Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Sách hướng dẫn sử dụng và Cataloge (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch);

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

4.1. Ý kiến của Bên giao:

.....

4.2. Ý kiến của Bên nhận:

.....

Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên giao và Bên nhận: mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 (hai) bản cho đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ).

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Handwritten signature)

III: MẪU BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số/2022/TTK/PHKQ-..... ngày .../.../2022 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày tháng ... năm ... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản ngày.../.../2022 giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng;

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại (Tên và địa chỉ đơn vị NHNN được trang bị tài sản) chúng tôi gồm có:

I. Đại diện đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Sau đây gọi là Bên A):

.....

Đại diện Ông/Bà: Chức vụ:

II. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (Sau đây gọi là Bên B): Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng

1. Đại diện đứng đầu Liên danh - CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ

Địa chỉ: Số 1 Bà Triệu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 2669122 Fax : 0243 – 2669123

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106864881

Mã số thuế: 0106864881

Tài khoản: 117002867029 – Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
– Chi nhánh Chương Dương

Đại diện là: **Bà Đỗ Quỳnh Hương**

Chức vụ: **Giám đốc**

2. Đại diện Thành viên Liên danh: CÔNG TY CP KINH DOANH THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÂN HÀNG

Địa chỉ: Số 69C Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 0243.9425566 Fax: 0243.7957841

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106669150

Mã số thuế: 0106669150

Tài khoản số: 1241.000.6788999 - Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hoàn Kiếm

Đại diện là: **Bà Đỗ Thị Thu Nga**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Các bên thống nhất và đồng ý ký kết biên bản thanh lý Hợp đồng này với các điều khoản quy định dưới đây:

Điều 1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

Căn cứ Hợp đồng số mua sắm tài sản số.....ngày.../.../..... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Vật tư Ngân hàng, sau khi nhận thấy những mục đích và lợi ích khi ký kết hợp đồng đã đầy đủ, các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng kể từ ngày các bên đồng ý ký kết vào văn bản này.

Các bên được giải phóng khỏi những quy định theo Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày .../.../... mà không gặp phải bất kỳ trở ngại nào, trừ nghĩa vụ phải hoàn thành theo Điều 3 của Biên bản này.

Điều 2: Nghĩa vụ đã hoàn thành:

Bên B đã hoàn tất việc cung cấp hàng hóa đúng với Điều 1 của Hợp đồng mua sắm tài sản số...ngày.../.../2022, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Máy kiểm đếm, phân loại tiền Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2020	Chiếc	01	1.275.000.000	1.275.000.000
	Tổng cộng		01	1.275.000.000	1.275.000.000

Điều 3: Nghĩa vụ còn lại của các bên:

3.1. Bên B có trách nhiệm:

- Thời hạn bảo hành: Bảo hành 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng. Hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố trực tiếp tại đơn vị sử dụng hoặc hỗ trợ từ xa. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa

chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Bên A chấp nhận thiết bị sửa chữa hoặc thay thế đó.

- Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Bên A, Bên B phải nộp tiền bảo hành hoặc cung cấp Bảo lãnh bảo hành của ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng cho Bên A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Bên A sẽ giải chấp bảo lãnh bảo hành cho Bên B theo thời hạn bảo hành quy định.

- Địa điểm bảo hành: Tại Điện thoại.....

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành:

+ Bên B chỉ bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

+ Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;

+ Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của *Đơn vị sử dụng tài sản*. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, *Đơn vị sử dụng tài sản* sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, *Đơn vị sử dụng tài sản* sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

- Số điện thoại liên hệ bảo hành: hoặc hotline

+ Vật tư, phụ tùng thay thế: Bên B có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế chính hãng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A đặt hàng.

+ Dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành: Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành nếu được yêu cầu (chi phí do bên A chịu).

Khi thực hiện cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

3.2. Bên A có trách nhiệm:

Khi có sự cố, Bên A liên lạc bằng văn bản (Fax) hoặc qua điện thoại với Bên B mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì theo Điều 3.1 Điều này.

Điều 4. Điều khoản chung:

- Các bên đã đọc và thống nhất về những thỏa thuận trong Biên bản này.

- Các bên cam kết tiếp tục thực hiện nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng mua sắm tài sản số.....ngày.../... /2022 giữa (*tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản*) và Nhà thầu..... cho đến hết thời hạn theo thỏa thuận.

- Biên bản được ký dựa trên nguyên tắc tự nguyện của các bên.

- Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A và Bên B mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 bản về đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ).

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP
SỬ DỤNG TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

